

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**LƯU CPA VIETNAM-HCM**

SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày 23 tháng 03 năm 2015



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Tiến Trình*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

CH  
ÔNG  
KIỂM  
VIỆ  
(TR  
9-7

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1025QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/5/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4606000002 (số cũ 100208) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09/8/1993. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH Một thành viên số 3700146539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 7 tháng 7 năm 2011.

Trụ sở chính: Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Thành viên Ông Phạm Hồng Phi Chủ tịch

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Hồng Phi	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thố	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Đức Vinh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Tâm	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

50531  
II NHÀ  
TY HO  
M TC  
: T N  
: HÀ N  
P. HỒ

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

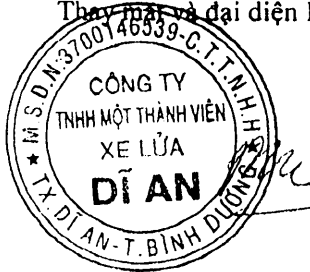
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

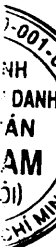
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Hồng Phi**  
**Giám đốc**

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2015



Số: 107/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Số dư tại ngày 01/01/2014 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản quyết toán thuế ngày 24/11/2014 (quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013).



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2013-075-1  
Thay mặt và đại diện

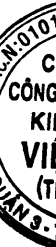
**CHI NHÁNH CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (TP. HÀ NỘI)**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2015*

**Nguyễn Thị Minh Anh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2013-075-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>110.884.952.272</b>	<b>72.559.430.713</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>33.689.299.595</b>	<b>42.939.449.647</b>
1. Tiền	111		11.689.299.595	17.229.224.504
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	25.710.225.143
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.080.075.588</b>	<b>21.856.795.277</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.766.026.908	19.793.098.247
2. Trả trước cho người bán	132		314.048.680	2.063.697.030
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>74.047.377.637</b>	<b>7.583.606.887</b>
1. Hàng tồn kho	141	6.2	74.047.377.637	7.583.606.887
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>68.199.452</b>	<b>179.578.902</b>
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	38.469.349
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.3	68.199.452	141.109.553
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>9.479.048.057</b>	<b>4.031.482.511</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>100.407.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	100.407.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.108.337.074</b>	<b>3.884.175.511</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.4	8.108.337.074	3.884.175.511
- Nguyên giá	222		45.048.429.075	42.977.249.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.940.092.001)	(39.093.074.146)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.370.710.983</b>	<b>46.900.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.810.983	
3. Tài sản dài hạn khác	268	6.5	1.336.900.000	46.900.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>120.364.000.329</b>	<b>76.590.913.224</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

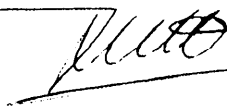
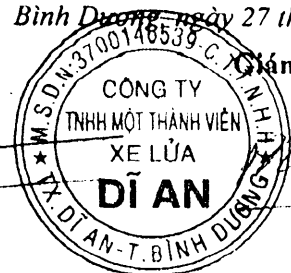
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>91.004.170.007</b>	<b>51.001.995.033</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.239.651.610</b>	<b>50.369.017.411</b>
2. Phải trả người bán	312		9.332.268.476	20.031.769.424
3. Người mua trả tiền trước	313		3.908.802.512	541.655.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.6	2.420.251.012	966.657.414
5. Phải trả người lao động	315		9.119.294.308	8.867.206.888
6. Chi phí phải trả	316	6.7	6.186.982.022	6.083.835.263
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	6.8	6.702.279.253	11.380.319.395
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.569.774.027	2.497.574.027
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50.764.518.397</b>	<b>632.977.622</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	6.9	764.518.397	632.977.622
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	6.10	50.000.000.000	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>29.359.830.322</b>	<b>25.588.918.191</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.11</b>	<b>29.359.830.322</b>	<b>25.588.918.191</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.832.123.880	9.037.676.781
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.157.946.097	20.349.415.318
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		167.830.643	167.830.643
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		337.486	337.486
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		201.592.216	(3.966.342.037)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (430 = 300+400)	<b>440</b>		<b>120.364.000.329</b>	<b>76.590.913.224</b>

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Trần Văn Mạnh

Phạm Hồng Phi



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

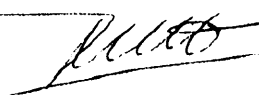
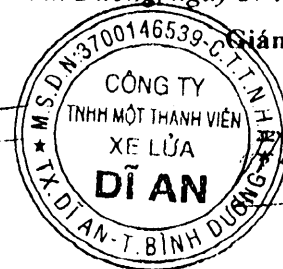
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Trình bày lại) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.12	59.924.845.467	76.106.590.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		59.924.845.467	76.106.590.884
4. Giá vốn hàng bán	11	6.13	53.575.740.164	68.998.626.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.349.105.303	7.107.964.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.14	1.924.651.022	2.095.890.503
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.15	478.185.165	205.597.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.16	2.237.674.894	2.377.079.491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		5.557.896.266	6.621.177.797
11. Thu nhập khác	31	6.17	2.621.157.337	5.998.749.913
12. Chi phí khác	32	6.17	2.798.907.153	5.467.799.704
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(177.749.816)	530.950.209
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.380.146.450	7.152.128.006
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.18	1.212.212.197	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.167.934.253	7.152.128.006

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo

Trần Văn Mạnh

Phạm Hồng Phi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.380.146.450	7.152.128.006
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	441.565.560	420.393.081
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.924.651.022)	(1.449.193.216)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.897.060.988	6.123.327.871
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	18.988.506.139	(3.860.179.631)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16.463.770.750)	4.648.765.208
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(9.997.825.026)	(3.590.353.615)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(33.810.983)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	638.020.833
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.290.000.000)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	(4.899.839.632)	3.949.580.666
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(385.101.839)	(156.818.182)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	1.924.651.022	2.095.890.503
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.539.549.183	1.939.072.321
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(3.360.290.449)	5.888.652.987
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.049.590.044	37.049.590.044
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.206.616
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	33.689.299.595	42.939.449.647

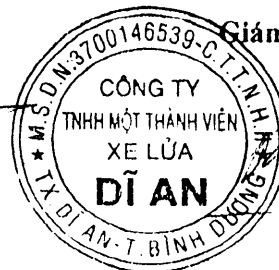
Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kê toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thảo

Trần Văn Mạnh

Phạm Hồng Phi

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Xe lửa Dĩ An (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1025/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/5/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4606000002 (số cũ 100208) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 09/8/1993. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH Một thành viên số 3700146539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 7 tháng 7 năm 2011.

Trụ sở chính: Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Thiết kế, sản xuất, sửa chữa đầu máy xe lửa toa xe; Thiết kế, sản xuất chi tiết và phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe; Mua bán: đầu máy xe lửa, toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy xe lửa, toa xe; Sản xuất, sửa chữa xe có động cơ, rơ móc; Mua bán: xe có động cơ, rơ móc; chi tiết, phụ tùng cho xe có động cơ, rơ móc; Đại lý xăng, dầu, mỡ bôi trơn; Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật; Cho thuê kho, bãi, nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị; Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ; Dịch vụ ăn uống; Hoạt động thể thao, giải trí; Đại lý vé máy bay, vé tàu hỏa, vé tàu thủy; Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh Bất động sản; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng, vật liệu hóa chất; Kinh doanh vật liệu, vật tư ngành xây dựng; Nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty. Xuất khẩu trực tiếp sản phẩm phụ tùng của Công ty; Gia công cơ khí, sản xuất, mua bán cầu kiện bằng kim loại cho lĩnh vực công nghiệp và dân dụng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm của Công ty là trong lĩnh vực sửa chữa toa xe, dịch vụ gia công cơ khí và cho thuê mặt bằng.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

505310  
II NHÀ  
TY HỢP  
M TO  
T N  
HÀ N  
P. HỒ

**4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Thông tư này thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

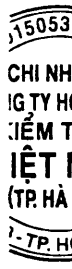
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN****5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	7.905.199	10.647.712
Tiền gửi ngân hàng	11.681.394.396	17.218.576.792
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	25.710.225.143
<b>Tổng</b>	<b>33.689.299.595</b>	<b>42.939.449.647</b>

Khoản tương đương tiền trình bày khoản ký quỹ tại ngân hàng thời hạn dưới 3 tháng.

**6.2 Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.791.239.605	6.340.335.401
Công cụ, dụng cụ	285.424.565	125.452.830
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.970.713.467	1.117.818.656
Hàng hóa bất động sản (*)	50.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>74.047.377.637</b>	<b>7.583.606.887</b>

(\*) Căn cứ hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An và Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Á Châu và Công ty được chia đất thương mại theo thỏa thuận. Đất thương mại được chia Công ty sẽ bán trong tương lai, theo đó được xác định là hàng hóa bất động sản. Căn cứ Hợp đồng hợp tác liên doanh thì đất thương mại (lợi nhuận được chia từ liên doanh) Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An sẽ nhận một lần, theo đó giá trị đất được chia được ghi nhận (tạm thời) theo giá trị góp vốn trên hợp đồng hợp tác liên doanh là 50.000.000.000 đồng. Chênh lệch giữa giá trị góp vốn và giá trị thực tế của hàng hóa bất động sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi Công ty thực hiện việc định giá và chuyển nhượng các lô đất.

**6.3 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	68.199.452	141.109.553
<b>Tổng</b>	<b>68.199.452</b>	<b>141.109.553</b>

10-001  
 ANH  
 TP DAN  
 OAN  
 JAM  
 VOI  
 CHI

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA Đ**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃU B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.4 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2014	18.415.009.221	16.971.354.578	4.646.436.464	133.682.573	2.810.766.821	42.977.249.657
Tăng trong năm	4.378.918.185	80.000.000	304.264.914	66.264.000	-	4.829.447.099
Mua trong năm	4.378.918.185	80.000.000	304.264.914	66.264.000	-	4.829.447.099
Giảm trong năm	445.322.358	1.861.727.381	362.195.328	89.022.614	-	2.758.267.681
Xử lý cổ phần hóa	445.322.358	1.561.938.296	310.922.600	-	-	2.318.183.254
Giảm khác (*)	-	299.789.085	51.272.728	89.022.614	-	440.084.427
Số dư tại 31/12/2014	22.348.605.048	15.189.627.197	4.588.506.050	110.923.959	2.810.766.821	45.048.429.075

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại 01/01/2014	17.395.886.874	16.036.380.435	4.459.094.086	72.865.152	1.128.847.599	39.093.074.146
Tăng trong năm	191.168.569	175.618.304	37.164.369	37.614.318	-	441.565.560
Khấu hao trong năm	191.168.569	175.618.304	37.164.369	37.614.318	-	441.565.560
Giảm trong năm	315.413.365	1.861.727.381	353.483.212	63.923.747	-	2.594.547.705
Xử lý cổ phần hóa	315.413.365	1.561.938.296	310.922.600	-	-	2.188.274.261
Giảm khác (*)	-	299.789.085	42.560.612	63.923.747	-	406.273.444
Số dư tại 31/12/2014	17.271.642.078	14.350.271.358	4.142.775.243	46.555.723	1.128.847.599	36.940.092.001

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2014	1.019.122.347	934.974.143	187.342.378	60.817.421	1.681.919.222	3.884.175.511
Tại 31/12/2014	5.076.962.970	839.355.839	445.730.807	64.368.236	1.681.919.222	8.108.337.074

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2014 là 33.668.353.593 đồng (31/12/2013: 36.390.784.554 đồng).

(\*) Các khoản điều chỉnh giảm là các khoản kết chuyển sang công cụ dụng cụ do nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013.





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN****6.5 Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	1.336.900.000	46.900.000
<b>Tổng</b>	<b>1.336.900.000</b>	<b>46.900.000</b>

**6.6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.153.478.575	932.460.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.213.712.448	1.500.251
Thuế thu nhập cá nhân	53.059.989	32.696.287
<b>Tổng</b>	<b>2.420.251.012</b>	<b>966.657.414</b>

**6.7 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả trình bày khoản dự phòng bảo hành sản phẩm dựa trên doanh thu đã thực hiện trong năm.

**6.8 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm thất nghiệp	-	44.372.060
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.836.322.862	7.545.307.394
Phải trả cán bộ công nhân viên	1.865.956.391	3.790.639.941
<b>Tổng</b>	<b>6.702.279.253</b>	<b>11.380.319.395</b>

**6.9 Phải trả dài hạn khác**

Đây là các khoản khách hàng đặt cọc, ký quỹ để thuê phòng, thuê sân tennis, thuê mặt bằng của Công ty.

**6.10 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện trình bày kết quả lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An và Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại Á Châu và Công ty được chia đất thương mại theo thỏa thuận. Đất thương mại (lợi nhuận từ hoạt động liên doanh) được chia Công ty chưa thực hiện chuyển nhượng do Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai, theo đó, thu nhập từ hoạt động liên doanh được ghi nhận (tạm thời) là doanh thu chưa thực hiện và theo giá trị góp vốn trên hợp đồng hợp tác liên doanh là 50.000.000.000 đồng. Chênh lệch giữa giá trị góp vốn và giá trị thực tế của hàng hóa bất động sản sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi Công ty thực hiện việc định giá và chuyển nhượng các lô đất và khi đó Công ty sẽ thực hiện các trách nhiệm về thuế.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐI AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÀU B 09-DN****6.11 Vốn chủ sở hữu****Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>8.880.858.599</b>	<b>20.506.233.500</b>	<b>167.830.643</b>	<b>337.486</b>	<b>(11.118.470.043)</b>	<b>18.436.790.185</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>156.818.182</b>	-	-	-	<b>7.152.128.006</b>	<b>7.308.946.188</b>
Tăng vốn	156.818.182	-	-	-	-	156.818.182
Lãi sau thuế	-	-	-	-	4.899.950.541	4.899.950.541
Điều chỉnh hồi tố (*)	-	-	-	-	2.252.177.465	2.252.177.465
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>156.818.182</b>	-	-	-	<b>156.818.182</b>
Giảm do tăng vốn	-	156.818.182	-	-	-	156.818.182
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>9.037.676.781</b>	<b>20.349.415.318</b>	<b>167.830.643</b>	<b>337.486</b>	<b>(3.966.342.037)</b>	<b>25.588.918.191</b>
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>9.037.676.781</b>	<b>20.349.415.318</b>	<b>167.830.643</b>	<b>337.486</b>	<b>(3.966.342.037)</b>	<b>25.588.918.191</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>4.794.447.099</b>	-	-	-	<b>4.167.934.253</b>	<b>8.962.381.352</b>
Tăng vốn	4.794.447.099	-	-	-	-	4.794.447.099
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.167.934.253	4.167.934.253
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>5.191.469.221</b>	-	-	-	<b>5.191.469.221</b>
Giảm chuyển nộp Tổng Công ty	-	397.022.122	-	-	-	397.022.122
Giảm do tăng vốn	-	4.794.447.099	-	-	-	4.794.447.099
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>13.832.123.880</b>	<b>15.157.946.097</b>	<b>167.830.643</b>	<b>337.486</b>	<b>201.592.216</b>	<b>29.359.830.322</b>

(\*) Số dư tại ngày 01/01/2014 được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản quyết toán thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA ĐĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN****6.12 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.924.845.467	76.106.590.884
<b>Tổng</b>	<b>59.924.845.467</b>	<b>76.106.590.884</b>

**6.13 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.575.740.164	68.998.626.499
<b>Tổng</b>	<b>53.575.740.164</b>	<b>68.998.626.499</b>

**6.14 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.924.651.022	2.095.890.503
<b>Tổng</b>	<b>1.924.651.022</b>	<b>2.095.890.503</b>

**6.15 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Chi phí bằng tiền khác	478.185.165	205.597.600
<b>Tổng</b>	<b>478.185.165</b>	<b>205.597.600</b>

**6.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	-	157.983.734
Chi phí vật liệu quản lý	38.265.037	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	191.345.328	196.414.754
Thuế, phí và lệ phí	554.438.427	517.885.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.214.562	86.943.636
Chi phí bằng tiền khác	1.441.411.540	1.417.851.812
<b>Tổng</b>	<b>2.237.674.894</b>	<b>2.377.079.491</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÀU B 09-DN****6.17 Thu nhập/ Chi phí khác**

	Năm 2014	Năm 2013 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu do bồi thường		3.155.758.530
Thu nhập khác	2.621.157.337	2.842.991.383
<b>Tổng</b>	<b>2.621.157.337</b>	<b>5.998.749.913</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi sửa chữa, khắc phục tài sản được bồi thường		2.645.741.886
Chi phí khác	2.798.907.153	2.822.057.818
<b>Tổng</b>	<b>2.798.907.153</b>	<b>5.467.799.704</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>(177.749.816)</b>	<b>530.950.209</b>

**6.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013 (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán</b>	5.380.146.450	7.152.128.006
Các khoản điều chỉnh tăng	129.908.991	-
- Khác	129.908.991	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	7.152.128.006
- Chuyển lỗ	-	7.152.128.006
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.510.055.441</b>	-
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.212.212.197</b>	-

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN****7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b><u>Mua hàng</u></b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	10.000.000.000	12.094.679.765
XN Vận dụng Toa xe hàng Hà Nội	140.925.285	34.534.500
Xi nghiệp sửa chữa toa xe Hà Nội	-	680.065.210
Công ty cổ phần vật tư đường sắt Sài Gòn	2.835.248.339	-
Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn	132.960.000	24.102.939.056
Chi nhánh cty CP XNK VTTB ĐS Lạng Sơn	65.032.000	-
Xi nghiệp toa xe Đà Nẵng	-	17.517.500
XN Cao su Đường sắt	-	-
XN Toa xe Sài Gòn	3.227.328.110	3.991.405.000
CTy CP XNK vật tư thiết bị Đường sắt	226.941.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận Tải Hàng Hóa Đường Sắt	1.648.016.040	22.232.114.300
XN Toa xe Vinh	-	67.266.100
Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội	-	13.530.841.054
<b>Tổng</b>	<b>18.276.450.774</b>	<b>76.751.362.485</b>
<b><u>Bán hàng</u></b>		
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	-	695.134.000
Công ty Vận tải Hàng hóa Đường sắt	3.801.125.900	431.200.000
Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội	8.722.736.880	-
Ga Sài Gòn	152.483.000	-
Công Ty TNHH MTV Thông Tin Tín Hiệu Đường Sắt Sài Gòn	-	-
XN Vận dụng Toa xe hàng Hà Nội	824.415.130	98.559.287
XN Sửa chữa toa xe Hà Nội	492.942.560	-
Xi nghiệp toa xe Đà Nẵng	181.921.080	-
XN toa xe Sài Gòn	4.009.342.843	2.753.247.350
Nhà máy xe lửa Gia Lâm	5.926.800	177.408.000
Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn	30.212.208.953	-
<b>Tổng</b>	<b>48.403.103.146</b>	<b>4.155.548.637</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN****7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư với các bên có liên quan*

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><u>Phải thu khách hàng</u></b>		
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	-	1.725.795.236
Công ty Vận tải Hàng hóa Đường sắt	-	14.150.514.527
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	233.006.654
XN Vận dụng Toa xe hàng Hà Nội	-	323.794.460
XN Sửa chữa toa xe Hà Nội	-	216.584.403
XN Toa xe Vinh	98.796.060	26.049.100
<b>Tổng</b>	<b>98.796.060</b>	<b>16.675.744.380</b>
<b><u>Phải trả nhà cung cấp</u></b>		
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	-	17.376.207.530
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	192.563.622	67.250.959
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.836.322.862	7.545.307.394
<b>Tổng</b>	<b>5.028.886.484</b>	<b>24.988.765.883</b>
<b><u>Khách hàng ứng trước</u></b>		
Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn	3.790.817.072	-
<b>Tổng</b>	<b>3.790.817.072</b>	<b>-</b>

**7.2 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế, nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN****7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Giá trị còn lại 31/12/2014 VND	Giá trị còn lại 01/01/2014 (Trình bày lại) VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.689.299.595	42.030.449.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.766.026.908	19.893.505.247
Tài sản tài chính khác	1.336.900.000	46.900.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.792.226.503</b>	<b>62.879.854.894</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả khách hàng, phải trả khác	16.799.066.126	32.045.066.441
Chi phí phải trả	6.186.982.022	6.083.835.263
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.986.048.148</b>	<b>38.128.901.704</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả khách hàng, phải trả khác	16.034.547.729	764.518.397	16.799.066.126
Chi phí phải trả	6.186.982.022	-	6.186.982.022
			<b>22.986.048.148</b>
<b>01/01/2014 (Trình bày lại)</b>			
Phải trả khách hàng, phải trả khác	31.412.088.819	632.977.622	32.045.066.441
Chi phí phải trả	6.083.835.263	-	6.083.835.263
			<b>38.128.901.704</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XE LỬA DĨ AN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và tương đương tiền	33.689.299.595	-	33.689.299.595
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.766.026.908	-	2.766.026.908
Tài sản tài chính khác	1.336.900.000	-	1.336.900.000
			<b>37.792.226.503</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và tương đương tiền	42.939.449.647	-	42.939.449.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.793.098.247	100.407.000	19.893.505.247
Tài sản tài chính khác	46.900.000	-	46.900.000
			<b>62.879.854.894</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**7.3 Số liệu so sánh**


Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thảo

Trần Văn Mạnh

Phạm Hồng Phi